

## THÔNG BÁO

V/v: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LPBANK THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Công ty Cổ phần Chứng khoán LPBank (LPBS) trân trọng thông báo:

**1. Lãi suất cho vay:**

- Lãi suất vay trong hạn: 13%/năm (tính trên cơ sở 365 ngày), thay đổi theo từng thời điểm.
- Lãi suất vay quá hạn: 150% x Lãi suất vay trong hạn

**2. Thời hạn khoản vay:** 90 ngày.

**3. Tỷ lệ ký quỹ duy trì:** < 82%

**4. Tỷ lệ ký quỹ xử lý:** < 72%.

*Ghi chú: Tùy từng trường hợp, LPBS có thể áp dụng tỷ lệ ký quỹ duy trì, tỷ lệ ký quỹ xử lý khác theo thông báo trực tiếp đến từng Khách hàng nhưng trong mọi trường hợp KHÔNG THẤP HƠN tỷ lệ nêu trên.*

**5. Phương thức cho vay, nhận nợ, hoàn trả nợ và Phí Dịch vụ:** quy định tại Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán ký quỹ.

**6. Danh mục giao dịch ký quỹ hiệu lực từ ngày 27/07/2026:**

| STT | Mã chứng khoán | Sàn  | Tên công ty                 | Tỷ lệ ký quỹ | Tỷ lệ cho vay |
|-----|----------------|------|-----------------------------|--------------|---------------|
| 1   | AAA            | HOSE | An Phát Bioplastics         | 50           | 50            |
| 2   | ABT            | HOSE | Thủy sản Bến Tre            | 50           | 50            |
| 3   | ACB            | HOSE | ACB                         | 50           | 50            |
| 4   | ACC            | HOSE | Đầu tư và XD Bình Dương ACC | 50           | 50            |
| 5   | ACG            | HOSE | Gỗ An Cường                 | 50           | 50            |
| 6   | ACL            | HOSE | Thủy sản CL An Giang        | 50           | 50            |
| 7   | ADS            | HOSE | Dệt sợi DAMSAN              | 50           | 50            |
| 8   | AGG            | HOSE | Bất động sản An Gia         | 50           | 50            |
| 9   | AGR            | HOSE | Agriseco                    | 50           | 50            |
| 10  | ANV            | HOSE | Thủy sản Nam Việt           | 50           | 50            |
| 11  | ASG            | HOSE | Tập đoàn ASG                | 50           | 50            |
| 12  | ASM            | HOSE | Tập đoàn Sao Mai            | 50           | 50            |
| 13  | AST            | HOSE | Dịch vụ Hàng không Taseco   | 50           | 50            |
| 14  | BAF            | HOSE | Nông nghiệp BAF Việt Nam    | 50           | 50            |
| 15  | BBS            | HOSE | Bao bì Xi măng Bút Sơn      | 50           | 50            |
| 16  | BCF            | HOSE | Thực phẩm Bích Chi          | 50           | 50            |

| STT | Mã chứng khoán | Sàn  | Tên công ty                     | Tỉ lệ ký quỹ | Tỉ lệ cho vay |
|-----|----------------|------|---------------------------------|--------------|---------------|
| 17  | BCM            | HOSE | Becamex IDC                     | 50           | 50            |
| 18  | BFC            | HOSE | Phân bón Bình Điền              | 50           | 50            |
| 19  | BHN            | HOSE | HABECO                          | 50           | 50            |
| 20  | BIC            | HOSE | Bảo hiểm BIDV                   | 50           | 50            |
| 21  | BID            | HOSE | BIDV                            | 50           | 50            |
| 22  | BKC            | HOSE | Khoáng sản Bắc Kạn              | 50           | 50            |
| 23  | BMC            | HOSE | Khoáng sản Bình Định            | 50           | 50            |
| 24  | BMP            | HOSE | Nhựa Bình Minh                  | 50           | 50            |
| 25  | BPC            | HOSE | Bao bì Bim Sơn                  | 50           | 50            |
| 26  | BSI            | HOSE | Chứng khoán BIDV                | 50           | 50            |
| 27  | BSR            | HOSE | Lọc Hóa dầu Bình Sơn            | 50           | 50            |
| 28  | BTP            | HNX  | Nhiệt điện Bà Rịa               | 50           | 50            |
| 29  | BTW            | HOSE | Cấp nước Bến Thành              | 50           | 50            |
| 30  | BVH            | HOSE | Tập đoàn Bảo Việt               | 50           | 50            |
| 31  | BVS            | HNX  | Chứng khoán Bảo Việt            | 50           | 50            |
| 32  | BWE            | HOSE | Nước - Môi trường Bình Dương    | 50           | 50            |
| 33  | BXH            | HOSE | Bao bì Xi măng HP               | 50           | 50            |
| 34  | C69            | HOSE | Xây dựng 1369                   | 50           | 50            |
| 35  | CAG            | HOSE | Cảng An Giang                   | 50           | 50            |
| 36  | CCI            | HOSE | CIDICO                          | 50           | 50            |
| 37  | CCL            | HNX  | ĐT & PT Đô thị Dầu khí Cửu Long | 50           | 50            |
| 38  | CCR            | HOSE | Cảng Cam Ranh                   | 50           | 50            |
| 39  | CDC            | HNX  | Chương Dương Corp               | 50           | 50            |
| 40  | CDN            | HOSE | Cảng Đà Nẵng                    | 50           | 50            |
| 41  | CEO            | HOSE | Tập đoàn CEO                    | 50           | 50            |
| 42  | CHP            | HOSE | Thủy điện Miền Trung            | 50           | 50            |
| 43  | CII            | HOSE | Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM         | 50           | 50            |
| 44  | CKG            | HOSE | Xây dựng Kiên Giang             | 50           | 50            |
| 45  | CLC            | HOSE | Thuốc lá Cát Lợi                | 50           | 50            |
| 46  | CLL            | HOSE | Cảng Cát Lái                    | 50           | 50            |
| 47  | CLM            | HOSE | Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin | 50           | 50            |
| 48  | CLW            | HOSE | Cấp nước Chợ Lớn                | 50           | 50            |
| 49  | CMG            | HOSE | Tập đoàn Công nghệ CMC          | 50           | 50            |
| 50  | CNG            | HOSE | CNG Việt Nam                    | 50           | 50            |
| 51  | CRC            | HOSE | Create Capital Việt Nam         | 50           | 50            |
| 52  | CSM            | HOSE | Cao su Miền Nam                 | 50           | 50            |
| 53  | CSV            | HOSE | Hóa chất Cơ bản miền Nam        | 50           | 50            |
| 54  | CTB            | HOSE | Bơm Hải Dương                   | 50           | 50            |

| STT | Mã chứng khoán | Sàn  | Tên công ty                               | Tỉ lệ ký quỹ | Tỉ lệ cho vay |
|-----|----------------|------|-------------------------------------------|--------------|---------------|
| 55  | CTD            | HOSE | Xây dựng Coteccons                        | 50           | 50            |
| 56  | CTF            | HOSE | City Auto                                 | 50           | 50            |
| 57  | CTG            | HOSE | VietinBank                                | 50           | 50            |
| 58  | CTI            | HOSE | Cường Thuận IDICO                         | 50           | 50            |
| 59  | CTR            | HOSE | Công trình Viettel                        | 50           | 50            |
| 60  | CTS            | HOSE | Chứng khoán Vietinbank                    | 50           | 50            |
| 61  | CTT            | HOSE | Chế tạo máy Vinacomin                     | 50           | 50            |
| 62  | D2D            | HOSE | Phát triển Đô thị số 2                    | 50           | 50            |
| 63  | DAT            | HOSE | ĐT Du lịch và PT Thủy sản                 | 50           | 50            |
| 64  | DBC            | HOSE | Tập đoàn DABACO                           | 50           | 50            |
| 65  | DBD            | HOSE | Dược - TB Y tế Bình Định                  | 50           | 50            |
| 66  | DC4            | HOSE | Xây dựng DIC Holdings                     | 50           | 50            |
| 67  | DCL            | HOSE | Dược phẩm Cửu Long                        | 50           | 50            |
| 68  | DCM            | HOSE | Đạm Cà Mau                                | 50           | 50            |
| 69  | DGW            | HOSE | Thế Giới Số                               | 50           | 50            |
| 70  | DHA            | HOSE | Hóa An                                    | 50           | 50            |
| 71  | DHC            | HOSE | Đồng Hải Bến Tre                          | 50           | 50            |
| 72  | DHG            | HNX  | Dược Hậu Giang                            | 50           | 50            |
| 73  | DHT            | HOSE | Dược phẩm Hà Tây                          | 50           | 50            |
| 74  | DIG            | HNX  | DIC Corp                                  | 50           | 50            |
| 75  | DL1            | HOSE | Tập đoàn Alpha 7                          | 50           | 50            |
| 76  | DMC            | HOSE | Dược phẩm DOMESCO                         | 50           | 50            |
| 77  | DNC            | HOSE | Điện nước Hải Phòng                       | 50           | 50            |
| 78  | DNP            | HOSE | Nhựa Đồng Nai                             | 50           | 50            |
| 79  | DP3            | HOSE | Dược Phẩm TW3                             | 50           | 50            |
| 80  | DPG            | HOSE | Tập đoàn Đạt Phương                       | 50           | 50            |
| 81  | DPM            | HOSE | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | 50           | 50            |
| 82  | DPR            | HOSE | Cao su Đồng Phú                           | 50           | 50            |
| 83  | DRC            | HOSE | Cao su Đà Nẵng                            | 50           | 50            |
| 84  | DRL            | HOSE | Thủy điện - Điện lực 3                    | 50           | 50            |
| 85  | DSC            | HOSE | Chứng khoán DSC                           | 50           | 50            |
| 86  | DSE            | HNX  | Chứng Khoán DNSE                          | 50           | 50            |
| 87  | DSN            | HNX  | Công viên nước Đầm Sen                    | 50           | 50            |
| 88  | DTD            | HOSE | Đầu tư Phát triển Thành Đạt               | 50           | 50            |
| 89  | DTK            | HOSE | Vinacomin Power                           | 50           | 50            |
| 90  | DVM            | HNX  | Dược liệu Việt Nam                        | 50           | 50            |
| 91  | DVP            | HOSE | ĐT và PT Cảng Đình Vũ                     | 50           | 50            |
| 92  | DXG            | HOSE | Địa ốc Đất Xanh                           | 50           | 50            |

| STT | Mã chứng khoán | Sàn  | Tên công ty                      | Tỉ lệ ký quỹ | Tỉ lệ cho vay |
|-----|----------------|------|----------------------------------|--------------|---------------|
| 93  | DXP            | HOSE | Cảng Đoạn Xá                     | 50           | 50            |
| 94  | DXS            | HOSE | Dịch vụ BĐS Đất Xanh             | 50           | 50            |
| 95  | EIB            | HOSE | Eximbank                         | 50           | 50            |
| 96  | ELC            | HOSE | ELCOM                            | 50           | 50            |
| 97  | EVF            | HOSE | Tài chính Điện lực               | 50           | 50            |
| 98  | EVG            | HOSE | Tập đoàn Everland                | 70           | 30            |
| 99  | FCN            | HOSE | FECON CORP                       | 50           | 50            |
| 100 | FDC            | HOSE | FIDECO                           | 50           | 50            |
| 101 | FMC            | HOSE | Thực phẩm Sao Ta                 | 50           | 50            |
| 102 | FPT            | HOSE | FPT Corp                         | 50           | 50            |
| 103 | FRT            | HOSE | Bán lẻ FPT                       | 50           | 50            |
| 104 | FTS            | HOSE | Chứng khoán FPT                  | 50           | 50            |
| 105 | GAS            | HOSE | PV Gas                           | 50           | 50            |
| 106 | GDW            | HOSE | Cấp nước Gia Định                | 50           | 50            |
| 107 | GEE            | HOSE | Thiết bị điện GELEX              | 50           | 50            |
| 108 | GEG            | HOSE | Điện Gia Lai                     | 50           | 50            |
| 109 | GEX            | HOSE | Tập đoàn Gelex                   | 50           | 50            |
| 110 | GIL            | HOSE | XNK Bình Thạnh                   | 50           | 50            |
| 111 | GMD            | HOSE | Gemadept                         | 50           | 50            |
| 112 | GMX            | HOSE | Gạch ngói Mỹ Xuân                | 50           | 50            |
| 113 | GSP            | HOSE | Vận tải Sản phẩm Khí Quốc tế     | 50           | 50            |
| 114 | GVR            | HOSE | Tập đoàn CN Cao su VN            | 50           | 50            |
| 115 | HAG            | HOSE | Hoàng Anh Gia Lai                | 50           | 50            |
| 116 | HAH            | HOSE | Vận tải và Xếp dỡ Hải An         | 50           | 50            |
| 117 | HAX            | HOSE | Ô tô Hàng Xanh                   | 50           | 50            |
| 118 | HCD            | HOSE | SX và Thương mại HCD             | 50           | 50            |
| 119 | HCM            | HOSE | Chứng khoán HSC                  | 50           | 50            |
| 120 | HDB            | HOSE | HDBank                           | 50           | 50            |
| 121 | HDC            | HOSE | Phát triển Nhà BR-VT             | 50           | 50            |
| 122 | HDG            | HOSE | Tập đoàn Hà Đô                   | 50           | 50            |
| 123 | HGM            | HOSE | Khoáng sản Hà Giang              | 50           | 50            |
| 124 | HHC            | HOSE | Bánh kẹo Hải Hà                  | 50           | 50            |
| 125 | HHP            | HOSE | HHP Global                       | 50           | 50            |
| 126 | HHS            | HOSE | Đầu tư DV Hoàng Huy              | 50           | 50            |
| 127 | HHV            | HOSE | Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả | 50           | 50            |
| 128 | HLC            | HOSE | Than Hà Lâm                      | 50           | 50            |
| 129 | HNA            | HOSE | Thủy điện Hủa Na                 | 50           | 50            |
| 130 | HPG            | HOSE | Hòa Phát                         | 50           | 50            |

| STT | Mã chứng khoán | Sàn  | Tên công ty                            | Tỉ lệ ký quỹ | Tỉ lệ cho vay |
|-----|----------------|------|----------------------------------------|--------------|---------------|
| 131 | HPX            | HOSE | Đầu tư Hải Phát                        | 50           | 50            |
| 132 | HQC            | HOSE | Địa ốc Hoàng Quân                      | 50           | 50            |
| 133 | HSG            | HOSE | Tập đoàn Hoa Sen                       | 50           | 50            |
| 134 | HT1            | HOSE | VICEM Hà Tiên                          | 50           | 50            |
| 135 | HTC            | HOSE | Thương mại Hóc Môn                     | 50           | 50            |
| 136 | HTG            | HNX  | Dệt may Hòa Thọ                        | 50           | 50            |
| 137 | HTI            | HOSE | PT Hạ tầng IDICO                       | 50           | 50            |
| 138 | HTN            | HNX  | Hưng Thịnh Incons                      | 70           | 30            |
| 139 | HTV            | HOSE | Logistics Vicem                        | 50           | 50            |
| 140 | HUB            | HOSE | Xây lắp Huế                            | 50           | 50            |
| 141 | HUT            | HNX  | Tasco                                  | 50           | 50            |
| 142 | HVH            | HOSE | Đầu tư và Công nghệ HVC                | 50           | 50            |
| 143 | HVT            | HNX  | Hóa chất Việt trì                      | 50           | 50            |
| 144 | ICT            | HOSE | Viễn thông - Tin học Bưu điện          | 50           | 50            |
| 145 | IDC            | HOSE | IDICO                                  | 50           | 50            |
| 146 | IDI            | HNX  | Đầu tư và PT Đa Quốc Gia               | 50           | 50            |
| 147 | IDV            | HOSE | PT Hạ tầng Vĩnh Phúc                   | 50           | 50            |
| 148 | IJC            | HOSE | Becamex IJC                            | 50           | 50            |
| 149 | ILB            | HOSE | ICD Tân Cảng Long Bình                 | 50           | 50            |
| 150 | IMP            | HOSE | IMEXPHARM                              | 50           | 50            |
| 151 | INN            | HOSE | Bao bì và In Nông Nghiệp               | 50           | 50            |
| 152 | IPA            | HOSE | Tập đoàn Đầu tư I.P.A                  | 50           | 50            |
| 153 | ITC            | HOSE | Đầu tư kinh doanh Nhà                  | 50           | 50            |
| 154 | KBC            | HOSE | TCT Đô thị Kinh Bắc                    | 50           | 50            |
| 155 | KDC            | HOSE | Tập đoàn KIDO                          | 50           | 50            |
| 156 | KDH            | HOSE | Nhà Khang Điền                         | 50           | 50            |
| 157 | KHG            | HNX  | Tập đoàn Khải Hoàn Land                | 50           | 50            |
| 158 | KHP            | HNX  | Điện lực Khánh Hòa                     | 50           | 50            |
| 159 | KLB            | HOSE | Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long | 50           | 50            |
| 160 | KOS            | HNX  | Công ty KOSY                           | 50           | 50            |
| 161 | KSB            | HNX  | Khoáng sản Bình Dương                  | 50           | 50            |
| 162 | KSF            | HOSE | Tập đoàn Sunshine                      | 50           | 50            |
| 163 | KSV            | HOSE | Khoáng sản TKV                         | 50           | 50            |
| 164 | L14            | HNX  | Licogi 14                              | 50           | 50            |
| 165 | L18            | HOSE | LICOGI - 18                            | 50           | 50            |
| 166 | L40            | HOSE | Đầu tư và Xây dựng 40                  | 50           | 50            |
| 167 | LAS            | HOSE | Hóa chất Lâm Thao                      | 50           | 50            |
| 168 | LBM            | HOSE | Khoáng sản Lâm Đồng                    | 50           | 50            |

| STT | Mã chứng khoán | Sàn  | Tên công ty                          | Tỉ lệ ký quỹ | Tỉ lệ cho vay |
|-----|----------------|------|--------------------------------------|--------------|---------------|
| 169 | LCG            | HOSE | LIZEN                                | 50           | 50            |
| 170 | LGC            | HOSE | Đầu tư Cầu đường CII                 | 50           | 50            |
| 171 | LHC            | HNX  | XD Thủy lợi Lâm Đồng                 | 50           | 50            |
| 172 | LHG            | HOSE | KCN Long Hậu                         | 50           | 50            |
| 173 | LIX            | HOSE | Bột Giặt Lix                         | 50           | 50            |
| 174 | LPB            | HOSE | LPBank                               | 50           | 50            |
| 175 | LSS            | HOSE | Mía đường Lam Sơn                    | 50           | 50            |
| 176 | MBB            | HOSE | MBBank                               | 50           | 50            |
| 177 | MBS            | HOSE | Chứng khoán MB                       | 50           | 50            |
| 178 | MCH            | HOSE | Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan | 50           | 50            |
| 179 | MCM            | HOSE | Giống bò sữa Mộc Châu                | 50           | 50            |
| 180 | MIG            | HOSE | Bảo hiểm Quân đội                    | 50           | 50            |
| 181 | MSB            | HNX  | MSB Bank                             | 50           | 50            |
| 182 | MSH            | HNX  | May Sông Hồng                        | 50           | 50            |
| 183 | MSN            | HOSE | Tập đoàn Masan                       | 50           | 50            |
| 184 | MVB            | HOSE | Mỏ Việt Bắc - TKV                    | 50           | 50            |
| 185 | MWG            | HNX  | Thế giới di động                     | 50           | 50            |
| 186 | NAB            | HOSE | Ngân hàng Nam Á                      | 50           | 50            |
| 187 | NAF            | HOSE | Nafoods Group                        | 50           | 50            |
| 188 | NAG            | HOSE | Tập đoàn Nagakawa                    | 50           | 50            |
| 189 | NAP            | HOSE | Cảng Nghệ Tĩnh                       | 50           | 50            |
| 190 | NBC            | HOSE | Than Núi Béo                         | 50           | 50            |
| 191 | NBW            | HOSE | Cấp nước Nhà Bè                      | 50           | 50            |
| 192 | NCT            | HOSE | DV Hàng hóa Nội Bài                  | 50           | 50            |
| 193 | NDN            | HOSE | PT Nhà Đà Nẵng                       | 50           | 50            |
| 194 | NET            | HOSE | Bột giặt Net                         | 50           | 50            |
| 195 | NHA            | HOSE | PT Nhà và Đô thị Nam HN              | 50           | 50            |
| 196 | NHH            | HNX  | Nhựa Hà Nội                          | 50           | 50            |
| 197 | NKG            | HOSE | Thép Nam Kim                         | 50           | 50            |
| 198 | NLG            | HOSE | BDS Nam Long                         | 50           | 50            |
| 199 | NNC            | HOSE | Đá Núi Nhỏ                           | 50           | 50            |
| 200 | NSC            | HOSE | Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam    | 50           | 50            |
| 201 | NT2            | HOSE | Điện lực Nhơn Trạch 2                | 50           | 50            |
| 202 | NTH            | HOSE | Thủy điện Nước Trong                 | 50           | 50            |
| 203 | NTL            | HOSE | Đô thị Từ Liêm                       | 50           | 50            |
| 204 | NTP            | HOSE | Nhựa Tiền Phong                      | 50           | 50            |
| 205 | NVL            | HOSE | Novaland                             | 50           | 50            |
| 206 | OCB            | HNX  | Ngân hàng Phương Đông                | 50           | 50            |

| STT | Mã chứng khoán | Sàn  | Tên công ty                 | Tỉ lệ ký quỹ | Tỉ lệ cho vay |
|-----|----------------|------|-----------------------------|--------------|---------------|
| 207 | OPC            | HOSE | Dược phẩm OPC               | 50           | 50            |
| 208 | ORS            | HOSE | Chứng khoán Tiên Phong      | 50           | 50            |
| 209 | PAC            | HOSE | PinẮc quy Miền Nam          | 50           | 50            |
| 210 | PAN            | HOSE | Tập đoàn PAN                | 50           | 50            |
| 211 | PBP            | HOSE | Bao bì Dầu khí VN           | 50           | 50            |
| 212 | PC1            | HNX  | Tập đoàn PC1                | 50           | 50            |
| 213 | PDB            | HOSE | DIN Capital                 | 50           | 50            |
| 214 | PDN            | HOSE | Cảng Đồng Nai               | 50           | 50            |
| 215 | PDR            | HOSE | BDS Phát Đạt                | 50           | 50            |
| 216 | PET            | HOSE | Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí    | 50           | 50            |
| 217 | PGC            | HNX  | Gas Petrolimex              | 50           | 50            |
| 218 | PGD            | HNX  | PV GAS D                    | 50           | 50            |
| 219 | PGI            | HOSE | Bảo hiểm PJICO              | 50           | 50            |
| 220 | PGS            | HNX  | Khí Miền Nam                | 50           | 50            |
| 221 | PGV            | HNX  | Tổng Công ty Phát điện 3    | 50           | 50            |
| 222 | PHN            | HOSE | Pin Hà Nội                  | 50           | 50            |
| 223 | PHR            | HOSE | Cao su Phước Hòa            | 50           | 50            |
| 224 | PIC            | HOSE | Đầu tư Điện lực 3           | 50           | 50            |
| 225 | PJC            | HOSE | TM và Vận tải Petrolimex HN | 50           | 50            |
| 226 | PJT            | HOSE | Vận tải thủy PETROLIMEX     | 50           | 50            |
| 227 | PLC            | HNX  | Hóa dầu Petrolimex          | 50           | 50            |
| 228 | PLX            | HNX  | Petrolimex                  | 50           | 50            |
| 229 | PNJ            | HOSE | Vàng Phú Nhuận              | 50           | 50            |
| 230 | POW            | HNX  | Điện lực Dầu khí Việt Nam   | 50           | 50            |
| 231 | PPC            | HOSE | Nhiệt điện Phả Lại          | 50           | 50            |
| 232 | PPS            | HOSE | DVKT Điện lực Dầu khí       | 50           | 50            |
| 233 | PPT            | HOSE | Petro Times                 | 50           | 50            |
| 234 | PPY            | HOSE | Xăng dầu dầu khí Phú Yên    | 50           | 50            |
| 235 | PRE            | HOSE | Tái bảo hiểm PVI            | 50           | 50            |
| 236 | PSC            | HOSE | Vận tải Petrolimex SG       | 50           | 50            |
| 237 | PSD            | HOSE | Phân phối Tổng hợp Dầu khí  | 50           | 50            |
| 238 | PSI            | HOSE | Chứng khoán Dầu khí         | 50           | 50            |
| 239 | PTB            | HOSE | Công ty Cổ phần Phú Tài     | 50           | 50            |
| 240 | PTI            | HNX  | Bảo hiểm Bưu điện           | 50           | 50            |
| 241 | PTS            | HOSE | Vận tải Petrolimex HP       | 50           | 50            |
| 242 | PTX            | HOSE | VT Petrolimex Nghệ Tĩnh     | 50           | 50            |
| 243 | PVB            | HOSE | Bọc ống Dầu khí Việt Nam    | 50           | 50            |
| 244 | PVC            | HOSE | Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí | 50           | 50            |



| STT | Mã chứng khoán | Sàn  | Tên công ty                           | Tỉ lệ ký quỹ | Tỉ lệ cho vay |
|-----|----------------|------|---------------------------------------|--------------|---------------|
| 245 | PVD            | HOSE | Khoan Dầu khí PVDrilling              | 50           | 50            |
| 246 | PVG            | HOSE | Kinh doanh LPG Việt Nam               | 50           | 50            |
| 247 | PVI            | HOSE | Bảo hiểm PVI                          | 50           | 50            |
| 248 | PVP            | HOSE | Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương       | 50           | 50            |
| 249 | PVS            | HOSE | DVKT Dầu khí PTSC                     | 50           | 50            |
| 250 | PVT            | HNX  | Vận tải Dầu khí PVTrans               | 50           | 50            |
| 251 | QCG            | HOSE | Quốc Cường Gia Lai                    | 50           | 50            |
| 252 | QHD            | HOSE | Que hàn Việt Đức                      | 50           | 50            |
| 253 | QNP            | HOSE | Cảng Quy Nhơn                         | 50           | 50            |
| 254 | RAL            | HOSE | Bóng đèn Phích nước Rạng Đông         | 50           | 50            |
| 255 | REE            | HOSE | Cơ Điện Lạnh REE                      | 50           | 50            |
| 256 | RYG            | HOSE | Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia          | 50           | 50            |
| 257 | S4A            | HOSE | Thủy điện Sê San 4A                   | 50           | 50            |
| 258 | S55            | HOSE | Sông Đà 505                           | 50           | 50            |
| 259 | S99            | HNX  | Sông Đà 9.09 (SCI)                    | 50           | 50            |
| 260 | SAB            | HOSE | SABECO                                | 50           | 50            |
| 261 | SAF            | HOSE | Thực Phẩm SAFOCO                      | 50           | 50            |
| 262 | SAM            | HOSE | SAM Holdings                          | 50           | 50            |
| 263 | SBA            | HOSE | Sông Ba JSC                           | 50           | 50            |
| 264 | SBG            | HOSE | Tập Đoàn Cơ Khí Công Nghệ Cao Siba    | 50           | 50            |
| 265 | SBT            | HNX  | Mía đường Thành Thành Công - Biên Hòa | 50           | 50            |
| 266 | SCG            | HOSE | Xây dựng SCG                          | 50           | 50            |
| 267 | SCR            | HOSE | TTC Land                              | 50           | 50            |
| 268 | SCS            | HOSE | DV Hàng hóa Sài Gòn                   | 50           | 50            |
| 269 | SEB            | HOSE | Điện miền Trung                       | 50           | 50            |
| 270 | SED            | HOSE | Phát triển GD Phương Nam              | 50           | 50            |
| 271 | SFI            | HOSE | Vận tải SAFI                          | 50           | 50            |
| 272 | SFN            | HOSE | Dệt lưới Sài Gòn                      | 50           | 50            |
| 273 | SGC            | HNX  | Bánh phồng tôm Sa Giang               | 50           | 50            |
| 274 | SGN            | HOSE | Phục vụ mặt đất Sài Gòn               | 50           | 50            |
| 275 | SGR            | HOSE | Địa ốc Sài Gòn                        | 50           | 50            |
| 276 | SHB            | HOSE | SHB                                   | 50           | 50            |
| 277 | SHI            | HOSE | Quốc tế Sơn Hà                        | 50           | 50            |
| 278 | SHP            | HOSE | Thủy điện Miền Nam                    | 50           | 50            |
| 279 | SHS            | HOSE | Chứng khoán SG - HN                   | 50           | 50            |
| 280 | SIP            | HOSE | Đầu tư Sài Gòn VRG                    | 50           | 50            |
| 281 | SJD            | HOSE | Thủy điện Cần Đơn                     | 50           | 50            |
| 282 | SJE            | HOSE | Sông Đà 11                            | 50           | 50            |



| STT | Mã chứng khoán | Sàn  | Tên công ty                                | Tỉ lệ ký quỹ | Tỉ lệ cho vay |
|-----|----------------|------|--------------------------------------------|--------------|---------------|
| 283 | SJS            | HOSE | SJ Group                                   | 50           | 50            |
| 284 | SKG            | HOSE | Tàu Cao tốc Superdong                      | 50           | 50            |
| 285 | SLS            | HOSE | Mía đường Sơn La                           | 50           | 50            |
| 286 | SMA            | HOSE | Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn                  | 50           | 50            |
| 287 | SMB            | HOSE | Bia Sài Gòn - Miền Trung                   | 50           | 50            |
| 288 | SSB            | HOSE | SeABank                                    | 50           | 50            |
| 289 | SSI            | HNX  | Chứng khoán SSI                            | 50           | 50            |
| 290 | STB            | HNX  | Sacombank                                  | 50           | 50            |
| 291 | STK            | HOSE | Sợi Thép Kỹ                                | 50           | 50            |
| 292 | STP            | HOSE | CN Thương Mại Sông Đà                      | 50           | 50            |
| 293 | SVC            | HOSE | SAVICO                                     | 50           | 50            |
| 294 | SZB            | HOSE | Sonadezi Long Bình                         | 50           | 50            |
| 295 | SZC            | HOSE | Sonadezi Châu Đức                          | 50           | 50            |
| 296 | SZL            | HOSE | Sonadezi Long Thành                        | 50           | 50            |
| 297 | TAL            | HNX  | Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco | 60           | 40            |
| 298 | TBC            | HOSE | Thủy điện Thác Bà                          | 50           | 50            |
| 299 | TCB            | HOSE | Techcombank                                | 50           | 50            |
| 300 | TCH            | HOSE | ĐT DV Tài chính Hoàng Huy                  | 50           | 50            |
| 301 | TCI            | HOSE | Chứng khoán Thành Công                     | 50           | 50            |
| 302 | TCL            | HNX  | Tan Cang Logistics                         | 50           | 50            |
| 303 | TCM            | HOSE | Dệt may Thành Công                         | 50           | 50            |
| 304 | TCO            | HNX  | TCO Holdings                               | 50           | 50            |
| 305 | TCX            | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương      | 50           | 50            |
| 306 | TDC            | HOSE | Becamex TDC                                | 50           | 50            |
| 307 | TDG            | HOSE | Đầu tư TDG Global                          | 50           | 50            |
| 308 | TDM            | HOSE | Nước Thủ Dầu Một                           | 50           | 50            |
| 309 | TDP            | HOSE | Công ty Thuận Đức                          | 50           | 50            |
| 310 | TDW            | HOSE | Cấp nước Thủ Đức                           | 50           | 50            |
| 311 | TFC            | HOSE | CTCP Trang                                 | 50           | 50            |
| 312 | THD            | HNX  | Công ty Thaiholdings                       | 50           | 50            |
| 313 | THG            | HOSE | XD Tiền Giang                              | 50           | 50            |
| 314 | TIP            | HOSE | PT KCN Tín Nghĩa                           | 50           | 50            |
| 315 | TLD            | HNX  | ĐT XD và PT Đô thị Thăng Long              | 50           | 50            |
| 316 | TLG            | HOSE | Tập đoàn Thiên Long                        | 50           | 50            |
| 317 | TMB            | HOSE | Than Miền Bắc - Vinacomin                  | 50           | 50            |
| 318 | TMC            | HOSE | XNK Thủ Đức                                | 50           | 50            |
| 319 | TMP            | HOSE | Thủy điện Thác Mơ                          | 50           | 50            |
| 320 | TMS            | HNX  | Transimex                                  | 50           | 50            |

| STT | Mã chứng khoán | Sàn  | Tên công ty                         | Tỉ lệ ký quỹ | Tỉ lệ cho vay |
|-----|----------------|------|-------------------------------------|--------------|---------------|
| 321 | TNG            | HOSE | Đầu tư và Thương mại TNG            | 50           | 50            |
| 322 | TPB            | HOSE | TPBank                              | 50           | 50            |
| 323 | TRA            | HOSE | Traphaco                            | 50           | 50            |
| 324 | TRC            | HOSE | Cao su Tây Ninh                     | 50           | 50            |
| 325 | TTA            | HOSE | XD và PT Trường Thành               | 50           | 50            |
| 326 | TV2            | HOSE | Tư vấn XD Điện 2                    | 50           | 50            |
| 327 | TV4            | HOSE | Tư vấn XD Điện 4                    | 50           | 50            |
| 328 | TVD            | HOSE | Than Vàng Danh                      | 50           | 50            |
| 329 | TVS            | HOSE | Chứng khoán Thiên Việt              | 50           | 50            |
| 330 | TYA            | HOSE | Dây và Cáp điện Taya                | 50           | 50            |
| 331 | UIC            | HOSE | Phát triển Nhà và Đô thị IDICO      | 50           | 50            |
| 332 | VAB            | HOSE | Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á | 50           | 50            |
| 333 | VC3            | HOSE | Tập đoàn Nam Mê Kông                | 50           | 50            |
| 334 | VCB            | HOSE | Vietcombank                         | 50           | 50            |
| 335 | VCF            | HNX  | VinaCafé Biên Hòa                   | 50           | 50            |
| 336 | VCG            | HOSE | VINACONEX                           | 50           | 50            |
| 337 | VCI            | HOSE | Chứng khoán Vietcap                 | 50           | 50            |
| 338 | VCK            | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBANK  | 50           | 50            |
| 339 | VCS            | HOSE | VICOSTONE                           | 50           | 50            |
| 340 | VDS            | HOSE | Chứng khoán Rồng Việt               | 50           | 50            |
| 341 | VFG            | HOSE | Khử trùng Việt Nam                  | 50           | 50            |
| 342 | VFS            | HOSE | Chứng khoán Nhất Việt               | 50           | 50            |
| 343 | VGC            | HOSE | Tổng Công ty Viglacera              | 50           | 50            |
| 344 | VGS            | HOSE | Ống thép Việt Đức                   | 50           | 50            |
| 345 | VHC            | HNX  | Thủy sản Vĩnh Hoàn                  | 50           | 50            |
| 346 | VHM            | HOSE | Vinhomes                            | 50           | 50            |
| 347 | VIB            | HOSE | VIBBank                             | 50           | 50            |
| 348 | VIC            | HOSE | VinGroup                            | 50           | 50            |
| 349 | VIF            | HOSE | Lâm nghiệp Việt Nam                 | 50           | 50            |
| 350 | VIP            | HOSE | Vận tải Xăng dầu VIPCO              | 50           | 50            |
| 351 | VIX            | HOSE | Chứng khoán VIX                     | 50           | 50            |
| 352 | VJC            | HOSE | Vietjet Air                         | 50           | 50            |
| 353 | VND            | HOSE | Chứng khoán VNDIRECT                | 50           | 50            |
| 354 | VNL            | HOSE | Vinalink Logistics                  | 50           | 50            |
| 355 | VNM            | HOSE | VINAMILK                            | 50           | 50            |
| 356 | VNR            | HOSE | Tái bảo hiểm Quốc gia               | 50           | 50            |
| 357 | VOS            | HOSE | Vận tải Biển Việt Nam               | 50           | 50            |
| 358 | VPB            | HOSE | VPBank                              | 50           | 50            |

| STT | Mã chứng khoán | Sàn  | Tên công ty                        | Tỉ lệ ký quỹ | Tỉ lệ cho vay |
|-----|----------------|------|------------------------------------|--------------|---------------|
| 359 | VPD            | HOSE | Phát triển Điện lực Việt Nam       | 50           | 50            |
| 360 | VPI            | HOSE | Đầu tư Văn Phú - Invest            | 50           | 50            |
| 361 | VPL            | HOSE | Công ty Cổ phần Vinpearl           | 50           | 50            |
| 362 | VPX            | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBANK | 50           | 50            |
| 363 | VRE            | HOSE | Vincom Retail                      | 50           | 50            |
| 364 | VSA            | HOSE | Đại lý Hàng hải VN                 | 50           | 50            |
| 365 | VSC            | HOSE | VICONSHIP                          | 50           | 50            |
| 366 | VSH            | HOSE | Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh     | 50           | 50            |
| 367 | VTB            | HOSE | Viettronics Tân Bình               | 50           | 50            |
| 368 | VTO            | HOSE | VITACO                             | 50           | 50            |
| 369 | VTP            | HOSE | Bưu chính Viettel                  | 50           | 50            |
| 370 | VTZ            | HOSE | Nhựa Việt Thành                    | 50           | 50            |
| 371 | WCS            | HOSE | Bến xe Miền Tây                    | 50           | 50            |
| 372 | YEG            | HOSE | Tập đoàn Yeah1                     | 50           | 50            |